

- **Người bào chữa cho bị cáo Hà Thị Y:** Luật sư Lê Minh Th, Công ty Luật T - Đoàn luật sư TP. Hà Nội; địa chỉ: Số 91, phố T, phường Đ, Quận H, TP. Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Cục Thuế tỉnh B; địa chỉ: Tổ 5 phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện: Ông Dương Đăng K - Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ dự toán pháp chế, Cục Thuế tỉnh B; có mặt tại phiên tòa.

- Các giám định viên tư pháp trong vụ án:

1. Bà Nguyễn Thùy L - Trưởng phòng Kế khai và Kế toán thuế, Giám định viên tư pháp Cục Thuế tỉnh B; có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Nguyễn Vy K1 - Công chức Phòng Nghiệp vụ, Dự toán, Pháp chế, Giám định viên tư pháp Cục Thuế tỉnh B; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần K có trụ sở tại tổ 7, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn do Hà Thị Y làm Giám đốc đại diện theo pháp luật và Phạm Thị Th làm kế toán. Công ty được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4700200587, cấp lần đầu ngày 24/01/2011, thay đổi lần thứ 6 ngày 22/12/2017 với ngành nghề kinh doanh chính là “*Xây dựng các công trình và Giám sát Công tác xây dựng, hoàn thiện công trình điện, cáp điện đến 35KV, khảo sát thiết kế các công trình điện...*”. Công ty thực hiện kê khai, nộp thuế tại Cục thuế tỉnh B.

Trong các năm 2016, 2017 khi thi công các công trình mà Công ty Cổ phần K trúng thầu, ngoài những người lao động thực tế làm việc cho Công ty thì Hà Thị Y đã thu thập thêm thông tin cá nhân của những người khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và chỉ đạo Phạm Thị Th lập khống các hợp đồng lao động giữa Công ty với những cá nhân này trình Y ký xác nhận rồi Th làm thủ tục đăng ký mã số thuế thu nhập cá nhân của những người lao động nêu trên với Cục thuế tỉnh B. Căn cứ vào chi phí nhân công trong dự toán công trình hoặc hợp đồng kinh tế mà Công ty Cổ phần K đã ký với chủ đầu tư, Y chỉ đạo Th lập bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương hàng tháng của từng công trình sao cho tổng chi phí tiền lương của công trình bằng hoặc gần bằng chi phí nhân công theo dự toán công trình, hợp đồng kinh tế đã ký, trong đó có đưa những cá nhân thực tế không làm việc tại công ty vào bảng chấm công và bảng chứng từ thanh toán tiền lương để làm tăng chi phí thi công công trình. Kết quả điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định các năm 2016 và 2017 Công ty Cổ phần K đã sử dụng thông tin của 59 cá nhân không làm việc tại Công ty để lập khống hợp đồng lao động và chứng từ chi trả tiền lương.

Tổng số tiền trên chứng từ chi trả tiền lương Công ty Cổ phần K lập không đối với 59 người lao động trên là: 1.335.564.891 đồng được Công ty sử dụng để hoạch toán tăng chi phí nhân công xây dựng 06 công trình trong năm 2016, 2017.

Trong 59 (năm mươi chín) người không làm việc cho Công ty Cổ phần K nêu trên có:

01 người đã chết từ năm 2014: Hoàng Văn L;

03 người là Công chức xã thuộc UBND huyện N, tỉnh Bắc Kạn gồm Nông Văn H, Nông Văn V, Bế Văn T;

03 người không biết chữ Ma Duy Đ, Hoàng Quốc Th, Trương Công U;

01 người là cán bộ Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn: Nông Đình T;

01 người mất khả năng lao động Vũ Đức M;

01 người bị bệnh tâm thần Trương Công U;

03 người làm cho các công ty khác gồm: Trương Văn N làm cho Công ty Taxi G có địa chỉ tại Phường P, thành phố B; Đào Tiến Đ làm cho Công ty TNHH N có địa chỉ tại Phường Đ, thành phố B; Nông Văn H làm cho công ty Cổ phần P, địa chỉ tại xã N, thành phố B;

Còn lại 46 (bốn mươi sáu) người là lao động tự do hoặc làm nông nghiệp tại địa phương nơi cư trú.

Qua xác minh xác định ngoài 01 người là Hoàng Văn L đã chết và 01 người bị bệnh tâm thần Trương Công U, những người còn lại đều khẳng định không được làm thuê và không biết về Công ty Cổ phần K. Chữ ký (trừ 03 người không biết chữ) trong Hợp đồng lao động và trong Bảng thanh toán tiền lương nhân công tại các công trình của Công ty Cổ phần K đều không phải là chữ ký của họ, họ không được nhận tiền theo bảng thanh toán tiền lương hoặc bất kỳ khoản tiền nào của Công ty Cổ phần K; không được uỷ quyền, hay nhờ ai đến Cục thuế tỉnh B để đăng ký mã số thuế cá nhân cho bản thân mình.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an và Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn giám định đối với chữ ký, chữ viết trong hợp đồng lao động và chứng từ chi trả tiền lương của Công ty Cổ phần K đối với 55/59 người lao động không làm việc tại Công ty Cổ phần K, còn 04 (bốn) người lao động không thực hiện giám định gồm: 01 người chết năm 2014; 03 người không biết chữ. Kết quả:

- Có 38 trường hợp chữ ký trên hợp đồng lao động và chứng từ chi trả tiền lương không phải chữ ký của người có tên trong hợp đồng lao động.

- 17 trường hợp không đủ cơ sở để kết luận chữ ký trên hợp đồng lao động và chứng từ chi trả tiền lương có phải chữ ký của người lao động không.

Cơ quan điều tra đã xác minh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, chính quyền địa phương và làm việc với thân nhân của 59 (năm mươi chín) người trên đều khẳng định người thân của họ không làm việc cho Công ty Cổ phần K.

Ngày 24/3/2020, Cơ quan CSĐT ra Quyết định trưng cầu giám định số 21, trưng cầu Giám định viên tư pháp thuộc Cục Thuế tỉnh B giám định việc thực hiện nghĩa vụ thuế từ năm 2016 đến năm 2017 của Công ty Cổ phần K đối với việc lập không hợp đồng lao động và chứng từ chi trả tiền lương của 29 người không làm việc tại Công ty. Ngày 14/12/2020 Giám định viên tư pháp thuộc Cục Thuế tỉnh B có Kết luận giám định nêu rõ:

“... Công ty đã hạch toán khoản chi trả tiền lương, tiền công cho người lao động nhưng thực tế không chi trả và chứng từ chi trả tiền lương cho người lao động không làm việc cho Công ty, khoản chi này đã hạch toán vào chi phí giá vốn trong kỳ tính thuế năm 2016, năm 2017 thì:

- Loại thuế trốn là Thuế thu nhập doanh nghiệp.

....

+ Tổng số tiền thuế trốn là: 129.133.026 đồng

Trong đó: Năm 2016: 624.307.128 đồng x 20% = 124.861.426 đồng.

Năm 2017: 21.358.000 đồng x 20% = 4.271.600 đồng.”

Ngày 28/4/2021, Cơ quan CSĐT ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung, trưng cầu Giám định viên tư pháp Cục thuế tỉnh B giám định bổ sung việc thực hiện nghĩa vụ thuế trong các năm 2016, năm 2017 của Công ty Cổ phần K đối với việc lập không hợp đồng lao động và chứng từ chi trả tiền lương của 30 (ba mươi) người lao động không làm việc tại Công ty. Ngày 25/5/2021 Giám định viên tư pháp Cục thuế tỉnh B có Kết luận giám định nêu rõ:

“...Công ty đã hạch toán khoản chi trả tiền lương, tiền công cho 30 người lao động nhưng thực tế không chi trả và 30 người lao động này không làm việc cho Công ty, khoản chi này đã hạch toán vào chi phí giá vốn trong kỳ tính thuế năm 2016, năm 2017 dẫn đến xác định sai số tiền thuế phải nộp thì:

- Loại thuế trốn là thuế thu nhập Doanh nghiệp.

....

+ Xác định số tiền thuế trốn: 137.980.077 đồng

Năm 2016: 136.650.077 đồng; Năm 2017: 1.330.000 đồng”

Như vậy, tổng số tiền Công ty Cổ phần K trốn thuế thông qua việc lập không hợp đồng lao động, chứng từ chi trả tiền lương của 59 (năm mươi chín) người lao động không làm việc tại công ty trong 02 năm 2016, 2017 là: 267.113.103đ (hai trăm sáu bảy triệu, một trăm mười ba nghìn, một trăm linh ba đồng), trong đó:

Năm 2016 là: 124.861.426đ + 136.650.077đ, = 261.511.503đ (hai trăm sáu một triệu, năm trăm mười một nghìn, năm trăm linh ba đồng)

Năm 2017 là: 4.271.600đ + 1.330.000đ = 5.601.600đ (năm triệu, sáu trăm hai một nghìn, sáu trăm đồng).

Quá trình điều tra các bị cáo Hà Thị Y, Phạm Thị Th đều không thừa nhận hành vi của mình. Hà Thị Y và Phạm Thị Th khai: Số tiền nhân công lập trong chứng từ chi trả tiền lương của các công trình không vượt quá số tiền chi phí nhân công trong dự toán công trình và chi phí nhân công trong hợp đồng kinh tế đã ký với chủ đầu tư theo từng công trình. Công ty không có chức năng đối chiếu giữa người lao động làm thực tế công ty tại từng công trình với chứng minh thư họ phô tô cung cấp cho Công ty. Công ty đã thanh toán tiền cho người lao động theo chứng từ chi trả tiền lương, bảng chấm công. Phạm Thị Th là người trực tiếp thanh toán tiền lương cho người lao động tại công trường và những lao động có tên trong bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương là những lao động thực tế làm cho công ty, không rõ việc họ không nhận được làm việc cho công ty. Căn cứ kết quả điều tra và tài liệu chứng cứ thu thập được đủ căn cứ xác định các bị can Hà Thị Y và Phạm Thị Th biết rõ 59 cá nhân không làm việc cho công ty, nhưng vẫn cố ý lập khống các hợp đồng lao động và chứng từ chi trả tiền lương cho những người này nhằm mục đích trốn thuế.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 27/4/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã áp dụng khoản 1 Điều 161; điểm h khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Hà Thị Y 300.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước; buộc Hà Thị Y nộp lại số tiền mà công ty cổ phần K đã trốn thuế trong các năm 2016, 2017 vào Ngân sách Nhà nước qua Cục thuế tỉnh B với số tiền là 267.113.103 đồng (hai trăm sáu bảy triệu, một trăm mười ba nghìn, một trăm linh ba đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 161; điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Phạm Thị Th 270.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/5/2022, bị cáo Hà Thị Y có đơn kháng cáo kêu oan, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án, với lý do: (1) Việc xác định tư cách của những người tham gia tố tụng chưa bảo đảm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; (2) Việc bị cáo chi trả lương cho các công nhân là có thật (có ký kết hợp đồng lao động, có khối lượng công việc giao cho công nhân; công nhân cung cấp chứng minh thư phô tô, trình bày có nguyện vọng, sức khỏe và thời gian đi làm; Công ty thanh toán lương cho người lao động, có khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân cho người lao động đối với khoản thu nhập tại Công ty theo quy định của pháp luật), tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ đã được cơ quan thuế kiểm tra, ghi nhận số liệu các năm trước; khối lượng thi công đã hoàn thành và bàn giao đầy đủ cho chủ đầu tư; (3) Kết luận giám định chữ ký không bảo đảm khách quan; Kết luận giám định về thuế không đề cập đến hành vi trốn thuế của bị cáo mà chỉ mang tính chất trao đổi nghiệp vụ, hướng dẫn về thuế.

Ngày 05/5/2022, bị cáo Phạm Thị Th có đơn kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội trốn thuế là hoàn toàn không có căn cứ, không dựa trên kết quả tranh tụng tại phiên tòa; chỉ dựa vào lời khai một phía của 56 người lao động; Kết luận giám định chữ ký và giám định thuế là không khách quan.

Ngày 13/5/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có Quyết định số 11/2022/QĐ-VC1-HS kháng nghị Bản án sơ thẩm số 10/2022/HSST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bổ sung Cục thuế tỉnh B tham gia tố tụng với tư cách bị hại; sửa đổi tư cách tham gia tố tụng của 59 cá nhân không làm việc cho Công ty cổ phần K nhưng bị sử dụng tên tuổi để kê khai có hưởng lương là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (không phải là người làm chứng); giảm mức phạt tiền đối với Phạm Thị Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Hà Thị Y và bị cáo Phạm Thị Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo kêu oan.

Luật sư Lê Minh Th bào chữa cho bị cáo Y đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xác định bị cáo không phạm tội như quyết định của bản án sơ thẩm. Trong luận cứ bào chữa cho bị cáo Hà Thị Y, Luật sư Lê Minh Th cho rằng Kết luận điều tra và Cáo trạng không chỉ rõ nguồn tin về tội phạm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (không phải do Cục thuế tỉnh B kiến nghị); các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã xác định sai tư cách tham gia tố tụng của Cục thuế và 59 người liên quan; việc quy kết bị cáo phạm tội “Trốn thuế” là chưa thỏa mãn về cấu thành tội phạm; có dấu hiệu làm sai lệch hồ sơ vụ án; các kết luận giám định về thuế, giám định chữ ký, chữ viết trong các hợp đồng lao động và chứng từ chi trả lương, không bảo đảm khách quan, khoa học, không phải là cơ sở kết tội các bị cáo; 02 bản kết luận về thuế không đề cập đến hành vi trốn thuế của các bị cáo mà nội dung chỉ mang tính chất trao đổi nghiệp vụ, hướng dẫn pháp luật về thuế.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Có đủ cơ sở để xác định các bị cáo phạm tội “Trốn thuế”, không oan; tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo Y phải nộp số tiền mà Công ty K trốn thuế là không đúng. Về tư cách tham gia tố tụng, cần xác định 59 cá nhân không làm việc cho Công ty cổ phần K nhưng bị sử dụng tên tuổi để kê khai có hưởng lương là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (không phải là người làm chứng); Viện kiểm sát rút yêu cầu về việc xác định Cục thuế tỉnh B tham gia tố tụng với tư cách bị hại. Tại phiên tòa, do bị cáo Th kêu oan, không xin giảm nhẹ hình phạt nên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội không đề nghị việc xem xét, giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/5/2022, bị cáo Hà Thị Y và bị cáo Phạm Thị Th có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, phù hợp với quy

định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có Quyết định kháng nghị theo đúng quy định tại các điều 336, 337 và 338 Bộ luật Tố tụng hình sự; bởi vậy, kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi của các bị cáo, các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện theo kết quả điều tra, xác minh đối với 59 người mà Hà Thị Y cho rằng có hợp đồng lao động với Công ty K năm 2016 và năm 2017 và được trả lương thì có 01 người đã chết năm 2014; 03 người không biết chữ; 03 người là Công chức xã đang công tác tại huyện N; 01 người là cán bộ Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn; 01 người mất khả năng lao động; 01 người bị bệnh tâm thần; 03 người đang làm việc tại công ty khác; còn lại 46 người là lao động tự do hoặc làm nông nghiệp tại nơi cư trú, tất cả đều khẳng định việc mình không được nhận lương, không được ký nhận vào bảng lương, không được làm việc và không biết đến Công ty Cổ phần K; đồng thời, Cơ quan điều tra đã xác minh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, chính quyền địa phương và làm việc với thân nhân của 59 người trên đều khẳng định người thân của họ không làm việc cho Công ty Cổ phần K. Theo kết quả giám định của Viện khoa học hình sự Bộ Công an và Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn đối với chữ ký, chữ viết trên các hợp đồng lao động và chứng từ chi trả tiền lương của Công ty Cổ phần K đối với 55/59 người lao động mà Hà Thị Y cho rằng có hợp đồng lao động với Công ty K thì có 38 trường hợp chữ ký trên hợp đồng lao động và chứng từ chi trả tiền lương không phải chữ ký của người có tên trong hợp đồng lao động; 17 trường hợp không đủ cơ sở để kết luận chữ ký trên hợp đồng lao động và chứng từ chi trả tiền lương có phải chữ ký của người lao động không. Như vậy, với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án thì Hà Thị Y và Phạm Thị Th có dấu hiệu phạm tội “Trốn thuế”. Tuy nhiên, tại các kết luận giám định về thuế ngày 14/12/2020 và ngày 25/5/2021, các giám định viên của Cục thuế tỉnh B mới chỉ thể hiện quan điểm rằng: Trường hợp xác định được Công ty K đã hạch toán khoản chi trả tiền lương, tiền công cho người lao động vào chi phí giá vốn trong kỳ tính thuế nhưng thực tế không có việc chi trả dẫn đến xác định sai số tiền thuế phải nộp thì được coi là hành vi trốn thuế. Để có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo về tội “Trốn thuế”, các kết luận giám định phải xác định rõ các bị cáo có giúp Công ty K trốn thuế không (không có nội dung giả định); trốn loại thuế gì, trốn một lần hay trốn nhiều lần và thời điểm của từng lần trốn; trên cơ sở đó, các cơ quan tiến hành tố tụng mới có cơ sở xác định được số tiền trốn thuế (nếu có), quyết định việc có cộng dồn các lần trốn thuế lại với nhau để làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo không.

[3] Bên cạnh đó, Tại phiên tòa phúc thẩm mở ngày 14/3/2023, các bị cáo Hà Thị Y, Phạm Thị Th đã giao nộp các tài liệu bổ sung gồm: Sổ TK 334 (sổ lương); Sổ TK 154.2 (sổ chi phí nhân công, sản xuất kinh doanh dở dang); Sổ TK 632 (sổ giá vốn hàng bán); Báo cáo tài chính năm 2016; Các biên bản của Cục Thuế tỉnh B đã kiểm tra năm 2016; Chứng minh thư (bản phô tô) của những người lao động tự nguyện cung cấp khi đi làm; Bảng phân tích so sánh chi phí

nhân công của cơ quan Bộ Quốc phòng; Hóa đơn đầu ra TK 511 của 4 công trình (phô tô). Sau phiên tòa mở ngày 14/3/2023, bị cáo Hà Thị Y tiếp tục giao nộp một số tài liệu: Bản giải trình về số liệu thuế do bị cáo làm ngày 20/3/2023; Văn bản 828/CCTKV-NV ngày 15/6/2022 của Chi Cục thuế khu vực M; Biên bản quyết toán công trình; Bảng kê thuế đầu ra (kê doanh thu 6 công trình). Theo các tài liệu này và trình bày của các bị cáo thì trong số 59 trường hợp Cơ quan điều tra xác định là các bị cáo đã lập chứng từ nhưng không chi trả lương, có 29 trường hợp Công ty đã không hạch toán vào chi phí tính thuế năm 2016, với số tiền là 717.048.000 đồng. Tuy nhiên, đây mới chỉ là các tài liệu do các bị cáo xuất trình, cần được xác minh và có ý kiến chính thức của Cục Thuế tỉnh B để xác định tính hợp pháp của các tài liệu; từ đó, kết hợp các tài liệu này với các tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập được, trung cầu ý kiến của cơ quan chuyên môn để xác định có hay không có việc trốn thuế, số tiền trốn thuế (nếu có), thời điểm trốn, trốn một lần hay nhiều lần. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Vy K1 là Giám định viên tư pháp đã tham gia việc giám định về thuế theo quyết định trung cầu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn trình bày, những tài liệu mà các bị cáo mới giao nộp không có trong tài liệu giám định nên ông không thể khẳng định các tài liệu này có hợp pháp hay không và có được sử dụng để giảm trừ vào số tiền mà cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Bắc Kạn đã xác định Công ty K trốn thuế hay không. Như vậy, để bảo đảm việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Hà Thị Y và Phạm Thị Th là có căn cứ, khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra bổ sung, làm rõ các vấn đề nêu trên.

[4] Về xác định người tham gia tố tụng, tại Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bổ sung Cục thuế tỉnh B tham gia tố tụng với tư cách bị hại; sửa đổi tư cách tham gia tố tụng của 59 cá nhân không làm việc cho Công ty cổ phần K nhưng bị sử dụng tên tuổi để kê khai có hưởng lương là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (không phải là người làm chứng); bị cáo Hà Thị Y kháng cáo cho rằng việc xác định tư cách của những người tham gia tố tụng chưa bảo đảm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về vấn đề này, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy khoản thuế mà Công ty K phải truy nộp không phải thiệt hại của Cục thuế tỉnh B mà là nghĩa vụ của Công ty K phải thực hiện với Ngân sách Nhà nước. Cục thuế tỉnh B là đơn vị trực tiếp quản lý, thu thuế của Công ty K, có trách nhiệm trong việc thu hồi khoản tiền này. Vì vậy, khi giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần đưa Cục thuế tỉnh B vào tham gia tố tụng; tuy nhiên, xác định Cục thuế tỉnh B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[5] Bên cạnh đó, Công ty K là Công ty cổ phần, có 3 cổ đông sáng lập, hiện vẫn đang hoạt động; khoản tiền trốn thuế được các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty K. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty K tham gia tố tụng để buộc Công ty K phải nộp khoản thuế này là sai sót. Khi giải quyết lại vụ án, cần đưa Công ty K vào tham gia tố tụng và buộc Công ty K phải truy nộp khoản tiền trốn thuế (nếu có).

[6] Đối với 59 cá nhân không làm việc cho Công ty K nhưng bị lấy tên tuổi để kê khai có hưởng lương là những người không có quyền lợi, nghĩa vụ gì trong vụ án. Lời khai và các tài liệu liên quan đến những người này có ý nghĩa trong việc xác định hành vi lập không chứng từ của các bị cáo Hà Thị Y và Phạm Thị Th. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định những người này là nhân chứng là phù hợp với quy định tại Điều 66 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ để chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và kháng cáo của các bị cáo, hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại, bảo đảm việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[8] Về án phí, căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án", các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà Thị Y và bị cáo Phạm Thị Th; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn để điều tra lại.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết lại theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

3. Bị cáo Hà Thị Y và bị cáo Phạm Thị Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- Công an tỉnh Bắc Kạn;
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn;
- Các bị cáo;
- Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu Phòng HCTP (VP), HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Chu Thành Quang